

Bản án số: **38/2017/HNGĐ - ST**
Ngày 18/7/2017
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phước
Bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2017/TLST - HNGĐ ngày 24/01/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/5/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST - HNGĐ ngày 19/6/2017 và thông báo mở lại phiên tòa số 38/TB - TA ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thu T** - sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số 387 đường H, tổ 64, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Hiện trú tại: Số 132 đường Ô, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Ngọc N** - sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số 387 đường H, tổ 64, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

(Bà T có mặt, ông N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 23/01/2017, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu T kết hôn với ông Hoàng Ngọc N vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà số 387 đường H. Ông bà chỉ chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tính và quan điểm sống không hợp nhau, có

nhiều bất đồng trong cuộc sống, ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà Bùi Thị Thu T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Hoàng Ngọc N.

- Về con chung: Bà T xác định ông bà có 02 con chung là Hoàng Bùi Cẩm N - sinh ngày 05/01/2004 và Hoàng Bùi Ngọc Đ - sinh ngày 25/8/2007. Ly hôn, nguyện vọng của bà T là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đồng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng)

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

* Ông Hoàng Ngọc N không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - ông Hoàng Ngọc N có hộ khẩu thường trú tại nhà số 387 đường H, tổ 64, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Thu T có đơn đề nghị thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú do ông Hoàng Ngọc N đã không có mặt tại địa phương. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Tòa án làm thủ tục thông báo tìm kiếm bị đơn trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập (niêm yết) hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn - ông Hoàng Ngọc N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Ngọc N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Ngọc N và bà Bùi Thị Thu T kết hôn với nhau vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông bà chỉ chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà T xác định do tính tính và quan điểm sống của ông bà không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Từ khoảng năm

2013 cho đến nay, ông N và bà T đã sống ly thân, vợ chồng đã chấm dứt quan hệ, tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tòa bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương và xin ly hôn với ông N.

HĐXX xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông bà đã sống ly thân hơn năm năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có thông báo tìm kiếm ông N trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cũng không có tin tức gì của ông N. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là có thật, bà T đã dẫn 02 con chung về nhà ngoại sinh sống từ khoảng năm 2013 cho đến nay, không thấy ông N qua lại thăm nom vợ con. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông bà không còn chăm sóc, quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần vận dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông N là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà T xác định ông bà có 02 con chung Hoàng Bùi Cẩm N - sinh ngày 05/01/2004 và Hoàng Bùi Ngọc Đ - sinh ngày 25/8/2007. Ly hôn, nguyện vọng của bà T là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng (mỗi con 3.000.000 đồng/tháng). Tại phiên tòa bà T xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái song việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con. Hiện nay ông N không còn ở địa phương nên việc giao cháu Hoàng Bùi Cẩm N và Hoàng Bùi Ngọc Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân gia đình cũng như nguyện vọng của hai cháu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Án phí HNGĐ - ST: Bà Bùi Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông Hoàng Ngọc N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Bùi Thị Thu T với ông Hoàng Ngọc N.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Bùi Thị Thu T ly hôn với ông Hoàng Ngọc N.

2. *Về quan hệ con chung:* Giao 02 con chung Hoàng Bùi Cẩm N - sinh ngày 05/01/2004 và Hoàng Bùi Ngọc Đ - sinh ngày 25/8/2007 cho bà Bùi Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Bùi Thị Thu T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu số 3032 ngày 24/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án xử sơ thẩm, bà Bùi Thị Thu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng ông Hoàng Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường T, quận T, TP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Bảo Huyền Trân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa